

Một số gợi ý để thực hiện nghiên cứu cho luận án tiến sĩ ngành quản trị kinh doanh

NGUYỄN ĐÌNH THỌ



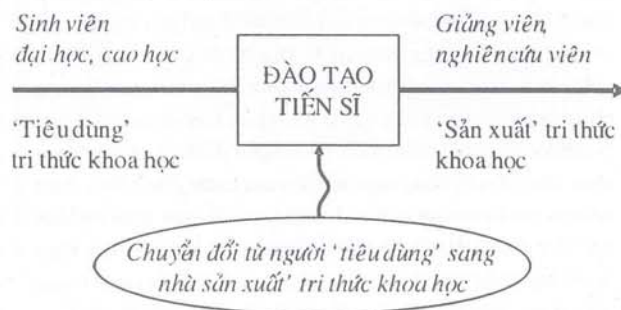
Nhiều trường đại học của VN đã tham gia đào tạo tiến sĩ ngành quản trị kinh doanh (QTKD). Các chương trình đào tạo tiến sĩ QTKD đã và đang cố gắng nâng cao chất lượng các luận án tiến sĩ. Đây là việc làm cần thiết để có thể từng bước hội nhập vào hệ thống đào tạo bậc tiến sĩ của các trường đại học trong khu vực và thế giới. Hay nói cách khác, chúng ta đang từng bước cố gắng đào tạo được những tiến sĩ có khả năng tham gia vào cộng đồng tạo ra tri thức khoa học trên thị trường quốc tế. Để có được một nghiên cứu cho luận án tiến sĩ đạt yêu cầu, công việc trước tiên là nghiên cứu sinh (NCS) phải nắm bắt được cách thức chọn

hướng và đề tài nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu (research proposal), thực hiện và báo cáo kết quả nghiên cứu phù hợp với nghiên cứu cho luận án tiến sĩ. Nhằm mục đích góp một phần vào qui trình trên, bài viết này giới thiệu cho NCS một số hướng dẫn trong quá trình xác định vấn đề và thực hiện nghiên cứu phù hợp cho luận án tiến sĩ ngành QTKD và đề xuất một số biện pháp làm tăng chất lượng của luận án. Bài viết này bao gồm ba phần chính. Trước tiên, tác giả giới thiệu sơ lược về yêu cầu đối với nghiên cứu cho luận án tiến sĩ. Tiếp theo là một số gợi ý để thực hiện nghiên cứu cho luận án tiến sĩ. Cuối cùng là ví dụ minh họa về một trong những qui trình thực hiện nghiên cứu cho luận án tiến sĩ ngành QTKD.

Yêu cầu đối với nghiên cứu cho luận án tiến sĩ

Khi hội nhập vào hệ thống đào tạo đại học trên thị trường quốc tế, các trường đại học phải thực hiện đồng thời hai chức năng – giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Hay nói cách khác, trường đại học không chỉ những là các trung tâm ‘phân phối’ và ứng dụng tri thức khoa học (chức năng giảng dạy, thực hiện các nghiên cứu ứng dụng và tư vấn) mà còn là nơi ‘sản xuất’ ra tri thức khoa học (chức năng nghiên cứu khoa học hàn lâm và sản phẩm là các công trình công bố trên các tạp chí khoa học). Để thực hiện được điều này thì trước tiên cần phải đào tạo các NCS có khả năng trở thành những thành viên trong cộng đồng tạo ra tri thức khoa học, phù hợp với phương châm: “Sinh viên bậc đại học là những người ‘tiêu dùng’ tri thức khoa học (consuming knowledge), cán bộ giảng dạy và nghiên cứu là những người ‘sản xuất’ ra tri thức khoa học (creating knowledge) và các chương trình đào tạo tiến sĩ là bậc chuyển tiếp có mục đích chuyển đổi NCS từ người ‘tiêu thụ’ tri thức khoa học sang người ‘sản xuất’ ra tri thức khoa học, để bổ sung vào đội ngũ ‘sản xuất’ ra tri thức khoa học cho các trường đại học, viện nghiên cứu, v.v. (Hình 1).

Hình 1: Đào tạo tiến sĩ: Chuyển đổi từ ‘tiêu dùng’ sang ‘sản xuất’ tri thức khoa học



Tương tự như các ngành khác [1], đào tạo tiến sĩ ngành QTKD thường được chia thành hai hệ chính – tiến sĩ hệ hàn lâm (PhD – Doctor of Philosophy) và tiến sĩ hệ thực tiễn

(Professional Doctorates, trong ngành QTKD gọi là DBA – Doctor of Business Administration). Nội dung nghiên cứu cho luận án của hai hệ này có những yêu cầu khác nhau tùy theo từng nước cũng như từng trường đại học cụ thể, đặc biệt là cho tiến sĩ hệ thực tiễn (DBA). Lấy ví dụ trong một số trường đại học tại Úc, nghiên cứu cho luận án tiến sĩ hệ hàn lâm đòi hỏi đóng góp mới cho lý thuyết ngành đó, trong khi đó nghiên cứu cho luận án tiến sĩ hệ thực tiễn đòi hỏi đóng góp cho sự phát triển của thực tiễn trong ngành (McWilliam & ctg 2002).

Qui chế đào tạo sau đại học của Bộ giáo dục và đào tạo năm 2000 qui định: “*Luận án tiến sĩ phải là một công trình khoa học chứa đựng những đóng góp mới có giá trị trong lĩnh vực khoa học chuyên ngành, thể hiện khả năng độc lập, sáng tạo nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh. Đóng góp mới của luận án có thể là: (1) Những kết quả mới hay đề xuất mới có tác dụng bổ sung, phát triển hoặc làm phong phú thêm vốn kiến thức đã có của chuyên ngành. (2) Những ứng dụng sáng tạo và phát triển có cơ sở khoa học dựa trên các thành tựu đã có nhằm giải quyết những yêu cầu thiết thực của kinh tế-xã hội, khoa học-công nghệ.*” (Khoa SDH 2002:66-67). Dự thảo Qui chế đào tạo tiến sĩ năm 2006 của Bộ giáo dục và đào tạo cũng khẳng định lại nội dung này (Dự thảo 7, 2006). Trong ngành QTKD, yêu cầu thứ nhất tương tự với yêu cầu cho nghiên cứu luận án tiến sĩ hệ hàn lâm PhD và yêu cầu thứ hai phù hợp yêu cầu cho nghiên cứu luận án tiến sĩ hệ thực tiễn DBA.

Như vậy, một nghiên cứu chỉ phù hợp cho luận án tiến sĩ (bài viết này tập trung vào hệ hàn lâm PhD) thì điều kiện cần là nghiên cứu đó phải ở dạng xây dựng và kiểm định lý thuyết khoa học [2], và điều kiện đủ được đánh giá dựa vào hàm lượng khoa học (mức độ đóng góp về lý thuyết và phương pháp nghiên cứu) của kết quả nghiên cứu. Do vậy, một trong những câu hỏi mà hầu như NCS nào khi tham gia chương trình đào tạo tiến sĩ tại các trường đại học trên thế giới đều đặt ra: Nghiên cứu như thế nào là phù hợp hay đủ hàm lượng cho một luận án tiến sĩ? Câu hỏi này thường không được cán bộ hướng dẫn trả lời mà NCS phải tự đi tìm lời giải đáp cho mình thông qua sự chỉ dẫn của cán bộ hướng dẫn. Thế nào là một đóng góp mới cho lý thuyết trong lĩnh vực đang nghiên cứu có hàm ý là nghiên cứu đó nếu được thực hiện thì kết quả sẽ góp phần bổ sung cho các lý thuyết đã có trong ngành, nghĩa là nó phải mới (chưa được ai thực hiện, trong nước cũng như trên thế giới) và có ý nghĩa khoa học. Lấy ví dụ khi chúng ta nghiên cứu khái niệm (biến) X (để giải thích cho hiện tượng khoa học Y) vì X chưa được nghiên cứu trước đây. Chưa được nghiên cứu trước đây có thể là một lý do để thực hiện nghiên cứu. Tuy nhiên, đây là điều kiện cần nhưng chưa đủ. Điều kiện đủ sẽ được thỏa nếu chúng ta lý giải được X là biến quan trọng (so với các biến đã nghiên cứu trước đây) để giải thích Y.

Một số gợi ý để thực hiện nghiên cứu cho luận án tiến sĩ

Những yêu cầu trên đây liên quan đến hai nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo tiến sĩ của hầu hết các

trường tham gia đào tạo bậc này. Thứ nhất là trang bị cho NCS nắm bắt được phương pháp tổng kết các nghiên cứu đã có để biết được những gì đã làm và những gì chưa làm trong lĩnh vực mình đang nghiên cứu. Hay nói cách khác, NCS phải phát hiện được khe hở nghiên cứu (research gap) mà chưa được ai trên thế giới lấp nó. Nội dung này được thực hiện thông qua các chuyên đề chuyên ngành. Các chuyên đề này giới thiệu cho NCS các nghiên cứu đã thực hiện trong ngành, các lý thuyết nền tảng (foundational theories) của lĩnh vực này và biết cách thức phê bình chúng, v.v... Lấy ví dụ khi nghiên cứu về nội lực cạnh tranh thì phải nắm lý thuyết về nguồn lực của công ty (resource-based view of the firm) và những phát triển của nó như lý thuyết về năng lực động (dynamic capabilities) cùng với những hạn chế của chúng; khi nghiên cứu về quá trình quốc tế hóa của công ty thì phải nắm các lý thuyết về nó, ví dụ như lý thuyết học hỏi (learning approach to internationalization), lý thuyết chấp nhận sáng kiến (adoption of innovation) và những phát triển của nó, v.v...

Sau khi phát hiện được khe hở trong nghiên cứu thì vấn đề thứ hai là trang bị cho NCS các phương pháp có thể sử dụng lấp nó (bridge the research gap), nghĩa là giải quyết khe hở nghiên cứu này bằng phương pháp nào. Nội dung này được thực hiện thông qua các chuyên đề về phương pháp nghiên cứu. NCS cần được trang bị hàng loạt các phương pháp và công cụ nghiên cứu khoa học vì không có một phương pháp hay công cụ nào có thể phù hợp cho tất cả các nghiên cứu. Hai trường phái phổ biến trong nghiên cứu khoa học là định tính (qualitative methodology) và định lượng (quantitative methodology). Nghiên cứu định tính thường đi đôi với việc khám phá ra các lý thuyết khoa học, dựa trên nguyên tắc quy nạp (nghiên cứu trước lý thuyết sau). Nghiên cứu định lượng gắn liền với việc kiểm chứng chúng, dựa trên nguyên tắc suy diễn (lý thuyết rồi đến nghiên cứu) (Ehrenberg 1994). Hai trường phái nghiên cứu này đều đóng vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng lý thuyết khoa học. Hơn nữa, chúng ta có thể phối hợp cả định tính và định lượng trong một nghiên cứu khoa học (methodological triangulation; xem, lấy ví dụ, Jack & Raturi 2006). Cũng cần chú ý thêm là phương pháp nghiên cứu cũng là một ngành khoa học và chúng luôn luôn được phát triển (Malhotra & ctg 1999). Những phương pháp và công cụ hiện đại, có độ chính xác và tin cậy cao hơn ra đời để thay thế cho những phương pháp, công cụ lạc hậu. Phương pháp nghiên cứu (quan điểm và nhận thức luận về nghiên cứu – ontology & epistemology); phương pháp luận nghiên cứu – methodology; phương pháp, công cụ nghiên cứu – methods, tools là ưu tiên hàng đầu cho các chương trình đào tạo bậc tiến sĩ của các nước phát triển.

Do vậy, các chuyên đề phương pháp nghiên cứu cho NCS cần bao gồm cả định tính và định lượng. Ví dụ như trong định tính, cần trang bị các phương pháp xây dựng lý thuyết khoa học từ dữ liệu (grounded theory), phương pháp nghiên

cấu tình huống (case study methods), phương pháp thảo luận nhóm (focus groups) [3] v.v.. Về định lượng, một số phương pháp và công cụ cần thiết như cách thức thực hiện nghiên cứu khảo sát (surveys), nghiên cứu thực nghiệm (experiments), cách xây dựng và đánh giá đo lường, và các công cụ phân tích tùy theo dạng dữ liệu như dữ liệu đã có sẵn (revealed data), dữ liệu khảo sát (survey data) và dữ liệu từ thực nghiệm (experimental data) như mô hình họ hồi qui, họ logit, mô hình cấu trúc tuyến tính SEM (structural equation modeling), v.v.. (xem, lấy ví dụ, Nguyễn Đình Thọ 2007). Trên cơ sở này, khi NCS đi vào một phương pháp cụ thể nào đó sẽ nắm bắt được cách thức nghiên cứu chi tiết về nó thông qua sự hỗ trợ của cán bộ hướng dẫn hoặc các chuyên viên trong lĩnh vực cụ thể đó. Lấy ví dụ, khi NCS đi vào một lĩnh vực chưa được phát triển và cần phải dùng phương pháp xây dựng lý thuyết từ dữ liệu thì họ sẽ đào sâu vào phương pháp này. Khi NCS xây dựng mô hình trong đó có nhiều biến phụ thuộc (endogenous variables), độc lập (exogenous) và trung gian (mediating variables), NCS cần nghiên cứu sâu hơn về mô hình cấu trúc tuyến tính SEM để kiểm định chúng. Hoặc khi nghiên cứu bao gồm nhiều bậc phân tích (ví dụ như đơn vị phân tích vừa là công ty vừa là nhân viên trong công ty) thì cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng về phương pháp phân tích đa bậc (multilevel analysis), v.v..

NCS đóng vai trò chính trong việc nâng cao chất lượng các nghiên cứu cho luận án tiến sĩ. NCS cần phải đầu tư thời gian và công sức để thực hiện hai công việc đã thảo luận trên đây cho luận án tiến sĩ của mình – tìm khe hổng nghiên cứu và chọn phương pháp phù hợp để lấp khe hổng đó. NCS cần phải tham khảo hàng loạt các tài liệu. Thông thường, các dạng tài liệu tham khảo bao gồm (1) tạp chí chuyên ngành và tạp chí về phương pháp nghiên cứu (cũng cần chú ý thêm là các tạp chí chuyên ngành cũng thường có nhiều bài viết về phương pháp nghiên cứu hoặc những số đặc biệt về phương pháp nghiên cứu), (2) sách nghiên cứu (là các sách công bố các công trình nghiên cứu), (3) các luận án tiến sĩ trong ngành, và (4) kỷ yếu hội thảo khoa học chuyên ngành (proceedings).

Cũng cần bàn luận thêm về các dạng tài liệu này. Trước tiên, bài báo (khoa học) công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế là các bài nghiên cứu nhiều dạng khác nhau như bài về lý thuyết (conceptual papers), bài thực nghiệm (empirical papers), bài tổng kết các kết quả nghiên cứu đã có (review papers) v.v.. Các bài này là những bài hoàn chỉnh và thông qua một hệ thống bình chọn chặt chẽ. Hàm lượng khoa học của các bài này thường là rất cao (tùy theo từng tạp chí). Các sách nghiên cứu cũng công bố các công trình nghiên cứu trong ngành. Thông thường hàm lượng khoa học không được đánh giá cao bằng như các tạp chí (đi nhiên như đã đề cập, tùy theo từng tạp chí). Luận án tiến sĩ là dạng tài liệu gần gũi nhất đối với NCS vì nó giúp cho NCS không những nội dung nghiên cứu mà còn cách thức trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu của luận án. Các bài trên kỷ yếu hội thảo khoa học là các công

trình chưa hoàn chỉnh và có nhiều dạng khác nhau như bài cạnh tranh (competing papers), bài đang thực hiện (work-in-progress papers) và hướng nghiên cứu hoặc tóm tắt (abstracts). Bài hoàn chỉnh nhất là dạng bài cạnh tranh. Các bài trên kỷ yếu hội thảo quốc tế tuy là các bài chưa hoàn chỉnh nhưng tính cập nhật của chúng rất cao vì đang được thực hiện. Do vậy, đọc những bài này sẽ giúp cho NCS nắm bắt được những vấn đề các nhà khoa học trên thế giới đang quan tâm và thực hiện. Cũng cần chú ý là, tương tự như tạp chí, mức độ hữu ích của các bài trong kỷ yếu hội thảo khoa học phụ thuộc vào từng hội thảo. NCS nên chọn những kỷ yếu của các hội thảo có uy tín (nơi được nhiều nhà khoa học có tên tuổi tham dự và các bài đều thông qua quá trình bình chọn). Hơn nữa, các hội thảo uy tín đều có phần hội thảo dành riêng cho NCS (doctoral colloquium) – Chương trình dành riêng NCS trình bày đề cương nghiên cứu của mình và được các chuyên gia trong ngành đánh giá và góp ý. Nếu tham gia các hội thảo này thì NCS không những nhận được đóng góp cho đề cương nghiên cứu của mình mà còn nắm bắt được các NCS của các trường đại học trên thế giới đang làm gì. Hơn nữa, nơi đây cũng là cơ hội để NCS có thể hình thành mạng lưới khoa học để trao đổi về nghiên cứu. Tuy nhiên, trong điều kiện của NCS tại VN, điều này chưa thật sự khả thi vì chi phí. Trong giai đoạn hiện tại, các trường đại học trong nước nên hợp tác tổ chức hội thảo cho NCS để họ có điều kiện báo cáo đề tài nghiên cứu và nhận được đóng góp của các nhà chuyên môn trong lĩnh vực NCS đang làm.

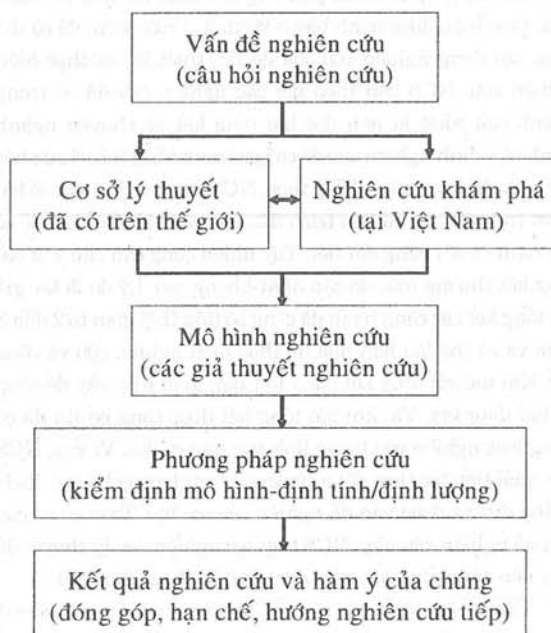
Ví dụ minh họa qui trình thực hiện nghiên cứu cho luận án tiến sĩ QTKD

Như đã giới thiệu, có nhiều dạng nghiên cứu khác nhau. Trong phạm vi của bài viết này tác giả lấy một ví dụ minh họa cho một dạng nghiên cứu phù hợp cho luận án tiến sĩ. Cách thức thực hiện được trình bày ở Hình 2. Trước tiên, để có thể chọn nội dung nghiên cứu của đề tài, thiết kế và thực hiện nghiên cứu, NCS cần theo dõi các nghiên cứu đã có trong ngành (tốt nhất là nên đọc bài tổng kết về chuyên ngành mình có ý định nghiên cứu để có bức tranh tổng thể về sự phát triển của lĩnh vực này). Tiếp theo, NCS cần tìm đọc một số bài quan trọng trong tài liệu trích dẫn của các bài tổng kết để có thể nắm rõ nội dung chi tiết. Tuy nhiên cũng cần chú ý là bài tổng kết thường mức độ cập nhật không cao. Lý do là tác giả chỉ tổng kết các công trình đã công bố (tốn thời gian từ 2 đến 3 năm và có thể lâu hơn nữa để thực hiện nghiên cứu và công bố). Khi tác giả tổng kết cũng tốn thời gian như vậy để công bố bài tổng kết. Và, khi bài tổng kết được công bố thì đã có hàng loạt nghiên cứu trong lĩnh vực này ra đời. Vì vậy, NCS cần phải tiếp tục theo dõi những công trình công bố sau đó để có thể đưa ra được vấn đề nghiên cứu (sơ bộ). Trên cơ sở của vấn đề nghiên cứu này, NCS tiếp tục nghiên cứu lý thuyết để làm nền tảng cho việc xây dựng mô hình nghiên cứu.

Cũng nên nhắc lại là nghiên cứu cho luận án tiến sĩ

không phải là dạng ứng dụng lý thuyết đã có để giải quyết một vấn đề QTKD trong tổ chức (như bậc cử nhân hay thạc sĩ) mà là nghiên cứu để phát triển lý thuyết trong lĩnh vực mình đang nghiên cứu. Vì vậy, thực hiện tổng kết nghiên cứu không phải là mô tả những gì đã công bố mà phải phân tích, bình luận, những gì đã làm được những gì chưa làm được, những gì đã làm nhưng chưa hoàn chỉnh, những gì chưa làm để tìm khe hở nghiên cứu. Nghiên cứu có luận án tiến sĩ tại các trường đại học trên các nước phát triển yêu cầu là phải lấp khe hở này. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện tại ở các trường đại học VN, một dạng có thể phù hợp là thực hiện tổng kết các nghiên cứu tại VN và nghiên cứu khám phá (định tính hoặc định lượng hoặc cả hai) để xác định yêu cầu cụ thể (khe hở nghiên cứu tại thị trường VN). Từ cơ sở của kết quả này (tổng kết lý thuyết trên thị trường quốc tế, VN và nghiên cứu khám phá), NCS có cơ hội điều chỉnh vấn đề nghiên cứu (câu hỏi nghiên cứu cụ thể cho đề tài) và xây dựng mô hình nghiên cứu (trả lời cho câu hỏi nghiên cứu). Tiếp theo, NCS chọn phương pháp nghiên cứu thích hợp để kiểm định mô hình nghiên cứu (và các giả thuyết trong mô hình). NCS cần phải chứng minh cho người đọc (giảng viên hướng dẫn, hội đồng) là phương pháp nghiên cứu sử dụng là phù hợp. Tiếp theo, NCS thực hiện nghiên cứu (thu thập, xử lý dữ liệu và báo cáo kết quả nghiên cứu của mình – những đóng góp của nghiên cứu về mặt lý thuyết, thực tiễn, hạn chế của nó, và đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo, vv. Cũng cần chú ý là trình tự của qui trình (H2) mang tính minh họa vì các bước trong qui trình này tương tác lẫn nhau. Lấy ví dụ, khi xác định vấn đề nghiên cứu NCS cần phải tổng kết về cơ sở lý thuyết và khi thực hiện tổng kết lý thuyết sẽ giúp bổ sung điều chỉnh lại vấn đề, câu hỏi nghiên cứu v.v...

Hình 2: Một dạng nghiên cứu đề nghị cho bậc tiến sĩ QTKD



Kết luận

Bài viết này đưa ra một số gợi ý để thực hiện nghiên cứu cho luận án tiến sĩ ngành QTKD, góp phần vào việc nâng cao chất lượng các luận án tiến sĩ trong ngành này. Một số công việc cơ bản các trường tham gia đào tạo tiến sĩ QTKD có thể từng bước thực hiện như sau: (1) Đầu tư trang bị phương tiện nghiên cứu cho NCS và cán bộ hướng dẫn (tạp chí, sách nghiên cứu, phần mềm xử lý, vv.), (2) tổ chức các chuyên đề về chuyên ngành và về phương pháp nghiên cứu khoa học, từ tổng quát đến chuyên sâu, và (3) tổ chức các hội thảo nghiên cứu khoa học cho NCS. Về phía NCS cần xác định mục tiêu chính khi tham gia chương trình đào tạo tiến sĩ là để chuyển đổi mình từ người 'tiêu dùng' tri thức khoa học sang nhà 'sản xuất' ra tri thức khoa học. Khi xác định được mục tiêu tham gia chương trình, NCS có thể chuẩn bị, đầu tư thời gian và công sức phù hợp để hoàn thành nghiên cứu cho luận án. Để kết luận, quá trình hội nhập vào hệ thống đào tạo tiến sĩ của các đại học trên thị trường quốc tế đòi hỏi các trường đại học chúng ta từng bước tăng cường chất lượng các nghiên cứu cho luận án tiến sĩ của NCS để giúp họ có khả năng trở thành những thành viên trong cộng đồng 'sản xuất' ra tri thức khoa học của thế giới, góp phần vào công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển của đất nước ■

Ghi chú:

- [1] Lấy ví dụ như trong ngành giáo dục, hai loại bằng tiến sĩ thường được đào tạo là bằng PhD và EdD (Doctor of Education); ngành tâm lý học cũng có hai loại bằng PhD và DPsych (Doctor of Psychology), vv. (McWilliam & ctg 2002).
- [2] Lý thuyết khoa học có thể định nghĩa là "một tập của những khái niệm, định nghĩa, và giả thuyết trình bày có hệ thống thông qua các mối quan hệ giữa các khái niệm, nhằm mục đích giải thích và dự báo các hiện tượng khoa học" (Kerlinger 1986:9).
- [3] Cũng cần chú ý là các phương pháp này không phải luôn luôn là định tính; lấy ví dụ, focus groups là phương pháp định tính nhưng grounded theory và case study methods có thể là định tính, định lượng hoặc cả hai.

Tài liệu đã dẫn

- Dự thảo 7 (2006), *Qui chế đào tạo tiến sĩ*, Bộ giáo dục và đào tạo.
- Ehrenberg ASC (1994), *Theory or well-based results: Which comes first*, trong Laurent G & Lilien GL & Pras B (eds), *Research Traditions in Marketing*, Boston: Kluwer Academic: 79-108.
- Jack EP & Raturi AS (2006), *Lessons learned from methodological triangulation in management research*, *Management Research News*, 29(6): 345-57.
- Kerlinger FN (1986), *Foundations of Behavioural Research*, 3rded, New York: Holt, Rinehart & Winston.
- KSDH (2002), *Qui chế đào tạo sau đại học 2000*, trong *Các văn bản pháp qui về đào tạo sau đại học*, Khoa sau đại học, Trường ĐH Kinh tế TP.HCM (Tài liệu lưu hành nội bộ)
- Malhotra NK, Peterson M & Kleiser SB (1999), *Marketing research: A state-of-the-art review and directions for the twenty-first century*, *Journal of the Academy of Marketing Science*, 27(2): 160-83.
- McWilliam E, Taylor PG, Thomson P, Green G, Maxwell T, Wildy H & Simons D (2002), *Research Training in Doctoral Programs – What Can Be Learned from Professional Doctorates? Canberra: Evaluation and Investigations Programme*, Commonwealth Department of Education Science & Training.
- Nguyễn Đình Thọ (2007), *Ứng dụng phương pháp nghiên cứu định lượng tại trường ĐH Kinh tế TP.HCM*, *Phát triển kinh tế*, Số 197, 17-20.